

Số: 83/2024/QĐST-HNGĐ

S, ngày 21 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 513/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2023, về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Trần Văn S** - Sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Chị **Âu Thị N** - Sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng Chính sách xã hội huyện S, tỉnh Tuyên Quang**. Người đại diện theo pháp luật: Bà **Hoàng Lê Na** – Chức vụ: Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Lê Na: Ông **Phạm Năng Tuệ** - Chức vụ: Cán bộ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 3 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 3 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Văn S và chị Âu Thị N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Trần Văn S và chị Âu Thị N thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Quá trình chung sống, anh Trần Văn S và chị Âu Thị N có hai con chung:

+ Cháu Trần Việt H – Sinh ngày: 06/10/2010.

+ Cháu Trần Gia H – Sinh ngày: 15/10/2013.

Anh Trần Văn S và chị Âu Thị N thỏa thuận nhất trí giao cháu Trần Việt H và cháu Trần Gia H cho anh Trần Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu H và cháu H trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, kể từ ngày 13/3/2024. Chị Âu Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Âu Thị N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Anh Trần Văn S và chị Âu Thị N cùng xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về công nợ chung:** Anh Trần Văn S, chị Âu Thị N và Ngân hàng Chính sách xã hội huyện S, tỉnh Tuyên Quang thỏa thuận: Anh Trần Văn S có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện S, tỉnh Tuyên Quang khoản vay Hộ nghèo số tiền gốc là 50.000.000đ và khoản vay Chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn số tiền gốc là 10.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng số: 2300101311 ký ngày 17/3/2019. Tổng số tiền anh S phải thanh toán cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện S, tỉnh Tuyên Quang là 60.000.000đ và tiếp tục phải chịu lãi suất theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng.

- **Về án phí:**

+ Anh Trần Văn S và chị Âu Thị N được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn và án phí dân sự có giá ngạch (Anh S và chị N là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định số: 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ).

+ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện S, tỉnh Tuyên Quang không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Đ (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Việt Cường